

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2022/ HSST

Ngày: 02/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ;

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1997, tại huyện CP, tỉnh An Giang; Nơi cư trú ấp Bình H, thị trấn Cái D, huyện CP, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Đeo, sinh năm 1977; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ là Phạm Thị Hương, sinh năm 1987; Con 01 người tên Nguyễn Gia Hân, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/11/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện CP; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Mai Thị S, sinh năm 1968 do ông Lê Hùng Th đại Dện theo ủy quyền và ông Lê Hùng Th, sinh năm 1966. Cùng trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1980. Trú tại ấp Bình H, thị trấn Cái D, huyện CP, tỉnh An Giang; (Có mặt);

2. Ông Lương Quang N, sinh năm 1982. Trú tại ấp 5, xã Thạnh Ph, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị Hồng Ph, sinh năm 1991. Trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Có mặt);

2. Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 2002. Trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

3. Bà Lê Thị Hồng Tr1, sinh năm 2004. Trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

4. Ông Trương Minh T1, sinh năm 2005. Trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

5. Bà Trần Thị Tường D, sinh năm 2006. Trú tại tổ 08, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

6. Ông Lê Phước Kh, sinh năm 1979. Trú tại ấp Bình H, thị trấn Cái D, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

7. Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1977. Trú tại khóm Vĩnh H, thị trấn Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

8. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1987. Trú tại ấp Vĩnh T1, thị trấn Cái D, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2021, Nguyễn Văn C sinh năm 1997, nơi cư trú: ấp Bình H, thị trấn Cái D, huyện CP quen biết và chung sống như vợ chồng với Lê Thị Hồng Ph, được Ph đưa về nhà mẹ ruột là Mai Thị S thuộc tổ 8, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP chung sống. Trong thời gian ở tại nhà của S, C quan sát thấy S thường hay cất giữ tiền ở học tủ giường ngủ trong phòng, nên C nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/11/2021, lợi dụng lúc S ra khỏi nhà và mọi người trong nhà đã ngủ, C đi vào phòng dùng tay mở cửa học tủ giường (cửa không khóa) lấy trộm số tiền 43.968.000 đồng, 13 tờ Đô la Mỹ và 01 túi vải màu đỏ bên trong có 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, rồi bỏ trốn. Riêng S khi phát hiện

mất trộm đã đến Công an xã Bình L trình báo sự việc. Ngày 15/11/2021, C đến Công an huyện CP đầu thú và giao nộp tài sản lấy trộm.

Ngày 24/11/2021, C bị khởi tố, điều tra. Qua điều tra, C khai nhận hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra, C còn khai nhận: Chỉ lấy trộm của S 43.968.000 đồng tiền Việt Nam, C đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết 17.265.000 đồng, còn lại 26.703.000 đồng; 01 túi vải màu đỏ bên trong có 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng và 13 tờ Đô la Mỹ, sau khi đến Cơ quan điều tra đầu thú C đã giao nộp lại toàn bộ.

Lời khai của bị hại bà Mai Thị S, ông Lê Hùng Th trình bày: S bị mất số tiền 70.000.000 đồng; 13 tờ Đô la Mỹ trị giá 493.460 đồng và 03 bộ vòng Đ tay 21 chiếc bằng vàng 18 kara trọng lượng 01 lượng 309 phân trị giá khoảng 38.390.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ trị giá khoảng 11.205.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất là 120.088.460 đồng. Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Văn Tr cha ruột của C đến gia đình S để khắc phục 50.000.000 đồng. S yêu cầu C pH bồi thường số tiền còn lại là 70.088.406 đồng và bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho C.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr cha ruột của bị cáo Nguyễn Văn C trình bày: Tr không biết việc C lấy trộm tài sản. Sau khi sự việc xảy ra Tr đã bồi thường cho S 50.000.000 đồng và không yêu cầu C pH trả lại.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Quang N trình bày: Xe mô tô biển số 36L1 – 1456 là do Nam mua và đứng tên chủ sở hữu. Năm 2010, Nam bán lại cho người khác, không biết xe được sử dụng để làm phương tiện phạm tội và không yêu cầu gì khác.

Lời khai của những người làm chứng Lê Thị Hồng Ph, Lê Thị Hồng H, Lê Thị Hồng Tr1, Trương Minh T1, Trần Thị Tường D, Lê Phước Kh, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Văn T2 trình bày phù hợp nội dung vụ án.

* Căn cứ Bản kết luận định giá số 44/KL.HĐĐGTS ngày 23/11/2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CP, kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu HOASUNG màu xanh, biển số 36L1-1456, trị giá 3.000.000 đồng;
- 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG GALAXY S9 màu đen, trị giá 4.000.000 đồng;
- 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG J7 màu đen, trị giá 1.500.000 đồng;
- 01 điện thoại D động hiệu OPPO F1S màu trắng, trị giá 1.500.000 đồng;
- 01 túi xách màu đen, trị giá 100.000 đồng;

- 03 bộ vòng bằng kim loại vàng 18 kara gồm 21 chiếc vòng kim loại vàng 18 kara, trọng lượng 01 lượng 309 phân 18 kara, trị giá 53.101.000 đồng;
- 01 dây chuyền bằng kim loại vàng 18 kara, trọng lượng 05 chỉ vàng 18 kara, trị giá 18.970.500 đồng.

Tổng trị giá 82.171.500 đồng.

* Căn cứ kết luận định số 4744/C09B ngày 02/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 8.9484 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 65.25%, Kẽm (Zn): 33.10%;
- 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, mắt vuông nổi, có hình nổi ban con bò cạp, khối lượng: 77.2474g, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 66.47%, Kẽm (Zn): 31.51%; Kẽm (Zn): 31.51%;
- 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng: 11.5440 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 94.03%, Thiếc (Sn): 4.00%;
- 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình bông hoa có đính hạt màu trắng và hạt màu đỏ, tổng khối lượng: 9.6785 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 61.46%, Kẽm (Zn): 36.67%.

Tất cả các mẫu kim loại trên đều được mạ một lớp Vàng (Au) kim loại rất mỏng.

* Căn cứ Bản kết luận định giá số 01/KL.HĐĐGTS ngày 05/01/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CP, kết luận:

- 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, trị giá 10.000 đồng.
 - 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, trị giá 35.000 đồng.
 - 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, trị giá 15.000 đồng.
- Tổng trị giá 60.000 đồng.

* Căn cứ Bản kết luận giám định số 08/KLGT-PC09(TL) ngày 25/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, kết luận:

04 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 01 USD và 09 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 02 USD cần giám định là tiền thật.

* Căn cứ bảng tỷ giá số 431 ngày 15/11/2021 của Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh huyện CP, tỉnh An Giang xác định: 01 USD = 22.430 đồng (01 USD x 4 tờ x 22.430 đồng = 89.720 đồng; 02 USD x 9 tờ x 22.430 đồng = 403.740 đồng).

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSCP-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CP đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện CP

để xét xử Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, bị cáo nhận tội, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với tiền và vật chứng bị cáo đã giao nộp, bị cáo đề cho ông Tr tự định đoạt vì ông Tr đã thay bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Bị hại Lê Hùng Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối tiền và tài sản bị mất trị giá khoảng 120.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh, gia đình bị cáo đã khắc phục được 50.000.000đ, còn lại do không chứng minh được nên đề Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Ông Th đại Dện theo ủy quyền của bị hại Mai Thị S thống nhất như ý kiến của ông Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền ông đã khắc phục cho bị hại, không yêu cầu bị hại trả lại số tiền khắc phục còn thừa. Đối với tiền và các vật chứng bị cáo C đã giao nộp tại cơ quan điều tra ông Tr không yêu cầu nhận lại, ông Tr tự nguyện giao hết số tiền và vật chứng của bị cáo đã giao nộp cho bị hại nhận.

Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP thực hành quyền công tố tại Tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Tr là cha của bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền 50.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Ông Nguyễn Văn Tr đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại S, Th số tiền 50.000.000đ vượt 6.032.000đ so với số tiền bị mất trộm theo truy tố của Viện kiểm sát 43.968.000đ. Ông Tr không yêu cầu bà S, ông Th trả lại 6.032.000đ nên đề nghị không xem xét.

+ Ông Nguyễn Văn Tr không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000đ mà ông đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Ông Nguyễn Văn Tr được nhận lại các vật chứng gồm: số tiền 26.703.000đ; 01 xe mô tô hiệu HOASUNG màu xanh, biển số 36L1-1456; 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG GALAXY S9 màu đen; 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG J7 màu đen; 01 điện thoại D động hiệu OPPO F1S màu trắng; 13 tờ đô la Mỹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Tr đã tự nguyện giao cho ông Th, bà S được nhận lại các vật chứng nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các vật chứng nêu trên cho ông Th, bà S được nhận lại.

+ Tịch thu để tiêu hủy các vật chứng gồm: 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 8.9484 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 65.25%, Kẽm (Zn): 33.10%; 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, mắt vuông nổi, có hình nổi ban con bò cạp, khối lượng: 77.2474%, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 66.47%, Kẽm (Zn): 31.51%; 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng: 11.5440 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 94.03%, Thiếc (Sn): 4.00%; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình bông hoa có đính hạt màu trắng và hạt màu đỏ, tổng khối lượng: 9.6785 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 61.46%, Kẽm (Zn): 36.67%; 01 túi vải màu đỏ có chữ Kiều Tiên, miệng có dây rút; 01 túi sách nam quay chéo màu đen.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án đang tạm giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CP, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Quang N và một số

người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, đại Dện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt đối những người làm chứng là phù hợp với quy định tại các Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi lén lút lấy trộm của bà S, ông Th số tiền 43.968.000đ, C đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết 17.265.000 đồng, còn lại 26.703.000 đồng; 01 túi vải màu đỏ bên trong có 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng và 13 tờ Đô la Mỹ, sau khi đến Cơ quan điều tra đầu thú C đã giao nộp lại toàn bộ. Lời khai của bị hại Lê Hùng Th trình bày bị mất trộm số tiền 70.000.000 đồng; 13 tờ Đô la Mỹ trị giá 493.460 đồng và 03 bộ vòng Đ tay 21 chiếc bằng vàng 18 kara trọng lượng 01 lượng 309 phân trị giá khoảng 38.390.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ trị giá khoảng 11.205.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất là 120.088.460 đồng. Lời khai này của ông Th không đủ cơ sở chứng cứ chứng minh và tại phiên tòa bị hại Th yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Trong khi đó bị cáo C chỉ thừa nhận lấy trộm số tiền 43.968.000 đồng (tiền Việt Nam), 13 tờ Đô la Mỹ trị giá 493.460 đồng; 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng trị giá 60.000 đồng (theo Bản kết luận định giá số 01/KL.HĐĐGTS ngày 05/01/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CP), tổng cộng là 44.521.460 đồng. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, chỉ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can Nguyễn Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện Tr ngày 14/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, mua ma túy sử dụng nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/11/2021, lợi dụng lúc S ra khỏi nhà và mọi người trong nhà đã ngủ, C đi vào phòng dùng tay mở cửa học tử giường (cửa không khóa) lấy trộm số tiền 43.968.000 đồng, 13 tờ Đô la Mỹ và 01 túi vải màu đỏ bên trong có 02

chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CP là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật hình sự. Do đó bị cáo pH chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

[2.2] Về nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Văn C là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức và có sức khỏe, có thể tìm việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, lẽ ra bị cáo pH hiểu được, muốn có tài sản thì người khác cũng pH bỏ bao công sức lao động mới có được. Do bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng mà không pH lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân. Pháp luật quy định, tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, bất kỳ ai, ở cương vị nào có hành vi xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị trừng trị. Hành vi của bị cáo chẳng những vi phạm pháp luật hình sự mà còn vi phạm đạo đức. Do đó, cần được trừng trị nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”. Xét, bị cáo làm thuê không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Bị hại Th khai bị mất trộm số tiền 70.000.000 đồng; 13 tờ Đô la Mỹ trị giá 493.460 đồng và 03 bộ vòng Đ tay 21 chiếc bằng vàng 18 kara trọng lượng 01 lượng 309 phân trị giá khoảng 38.390.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ trị giá khoảng 11.205.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất là 120.088.460 đồng, đã nhận bồi thường 50.000.000đ. Lời khai của bị hại không đủ cơ sở chứng cứ chứng minh. Trong khi đó bị can C chỉ thừa nhận lấy trộm số tiền 43.968.000 đồng (tiền Việt Nam), 13 tờ Đô la Mỹ trị giá 493.460 đồng; 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, 02 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng trị giá 60.000 đồng, tổng cộng là 44.521.460 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với việc bị cáo khai đã sử dụng một phần của số tiền trộm tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, mua 03 chiếc điện thoại, mua 01 chiếc xe máy, còn lại số tiền 26.703.000đ bị cáo đã giao nộp (điện thoại, xe, tiền) cho cơ quan Công an tại giai đoạn điều tra. Do đó, trách nhiệm của bị cáo là trả lại cho bị hại tổng số tiền là 44.521.460đ (tiền và giá trị tài sản bị mất). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn Tr đã thay bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại thiệt hại do bị mất trộm là 50.000.000đ, số tiền này vượt 6.032.000đ so với giá trị mà bị cáo pH trả cho bị hại. Tại phiên tòa, bị hại Th khai nhận giá trị tài sản bị mất khoảng 120.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh nên để Tòa án xem xét xử theo quy định của pháp luật. Ông Tr không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000đ đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại và cũng không yêu cầu bị hại trả lại số tiền bồi thường vượt là 6.032.000đ. Xét, đây là sự tự nguyện của ông Tr không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với các vật chứng trong vụ án đang bị tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu HOASUNG màu xanh, biển số 36L1-1456; 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG GALAXY S9 màu đen; 01 điện thoại D động hiệu SAMSUNG J7 màu đen; 01 điện thoại D động hiệu OPPO F1S màu trắng; 01 túi xách màu đen, 04 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 01 USD và 09 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 02 USD và số tiền 26.703.000đ do bị cáo C giao nộp tại giai đoạn điều tra. Xét, các vật chứng và tiền này có được là do bị cáo trộm tiền của bị hại mua được và số tiền 26.703.000đ là số tiền trộm bị cáo tiêu xài còn thừa lại. Trong quá trình điều tra, ông Tr đã thay bị cáo khắc phục toàn bộ số tiền bị cáo đã trộm của bị hại, nên trả lại cho ông Tr các vật chứng này. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Tr tự nguyện giao toàn bộ các vật chứng và tiền này cho bị hại nhận. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao trả các vật chứng và tiền này cho bị hại Th và S.

Đối với các vật chứng 02 chiếc vòng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 8.9484 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 65.25%, Kẽm (Zn): 33.10%; 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, mắt vuông nổi, có hình nổi ban con bò cạp, khối lượng: 77.2474%, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 66.47%, Kẽm (Zn): 31.51%; Kẽm (Zn): 31.51%; 01 chiếc lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng: 11.5440 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 94.03%, Thiếc (Sn): 4.00%; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình bông hoa có đính hạt màu trắng và hạt màu đỏ, tổng khối lượng: 9.6785 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu): 61.46%, Kẽm (Zn): 36.67%. Tất cả các mẫu kim loại trên đều được mạ một lớp Vàng (Au) kim loại rất mỏng; 01 túi vải màu đỏ có chữ Kiều Tiên, miệng có dây rút; 01 túi sách nam quay chéo màu đen. Các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 15/11/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 361; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Tr thay bị cáo C bồi thường cho bị hại Lê Hùng Th, Mai Thị S số tiền 44.521.460đ (đã bồi thường xong). Ông Tr không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000đ và không yêu cầu bị hại trả lại số tiền 6.032.000đ (số tiền vượt số tiền thiệt hại) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ông Lê Hùng Th, bà Mai Thị S được nhận lại các vật chứng gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu HOASUNG màu xanh, biển số 36L1-1456, SM: CHOC4NM086799, SK: 152FMH00086799;

- + 01 (một) điện thoại D động hiệu SAMSUNG GALAXY S9 màu đen, số IMEI: 345817020553354;
- + 01 (một) điện thoại D động hiệu SAMSUNG J7 màu đen;
- + 01 (một) điện thoại D động hiệu OPPO F1S màu trắng, số IMEI: 864071039279498 tờ đô la Mỹ;
- + 13 (mười ba) tờ đô la Mỹ gồm: 04 tờ mệnh giá ONE DOLLAR, 09 tờ mệnh giá TWO DOLLARS;
- + Số tiền mặt 26.703.000đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng).
- Tịch thu để tiêu hủy các vật chứng gồm:
 - + 02 (hai) chiếc vòng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 8.9484 gam, thành phần Đồng (Cu): 65.25%, Kẽm (Zn): 33.10%;
 - + 01 (một) chiếc lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng: 11.5440 gam, thành phần kim loại Đồng (Cu): 94.03%, Thiếc (Sn): 4.00%;
 - + 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình bông hoa có đính hạt màu trắng và hạt màu đỏ, tổng khối lượng: 9.6785 gam, thành phần Đồng (Cu): 61.46%, Kẽm (Zn): 36.67%.
 - + 01 (một) chiếc lắc tay kim loại màu vàng, mắc vuông nổi, có hình nổi ba con bò cạp, khối lượng: 77.2474%, thành phần Đồng (Cu): 66.47%, Kẽm (Zn): 31.51%;
 - + 01 (một) túi vải màu đỏ có chữ Kiều Tiên, miệng có dây rút;
 - + 01 (một) cái túi xách nam quay chéo màu đen.

(Các vật chứng và tiền nêu trên chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CP và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP).

4. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quang N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Viện KSND HCP;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *Nhà Tạm giữ;*
- *Thị hành án DS HCP;*
- *Bộ phận THA Tòa án;*
- *Sở TP;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ